TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **09** /2019/HSST
Ngày 04 - 6 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Văn Bình.
2. Bà Hoàng Thị Chung.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thiện – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên Sơ cấp.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/HS-ST ngày 04/4/2019, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX – HSST ngày 17/5/2019, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Quang S, sinh năm 1957; Họ tên gọi khác: Không.
Nơi cư trú: thôn Đ, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện S; Trình độ văn hoá: Học lớp 10/10; Đảng, đoàn thể: không. Con ông Nguyễn Văn K, con bà Trần Thị Ng; Vợ Nguyễn Thị M; Bị cáo có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1990;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; Họ tên gọi khác: Không.
Nơi cư trú: thôn N, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.
Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: Công chức Tài chính - Kế toán thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang; Trình độ văn hoá: Học lớp 12/12; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn Đ, con bà Nguyễn Thị H; Vợ Đặng Như A và bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại địa phương; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**** Nguyên đơn dân sự:***

Ủy ban nhân dân thị trấn T, do ông Phạm Văn H – Chức vụ Phó chủ tịch UBND thị trấn T đại diện. Có mặt.

**** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Ban quản lý dự án xây dựng huyện Sơn Động, do ông Phạm Văn T - Chức vụ Phó giám đốc đại diện. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Huy T, sinh năm 1959; Có mặt.
Trú quán: thôn Đ, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

3. Ông Thân Văn C, sinh năm 1960; Có mặt.
Trú quán: thôn N, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Chu Thị Th, sinh năm 1985; Có mặt.
Trú quán: thôn N, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

5. Chị Vi Thị Kh, sinh năm 1988; Có mặt.
Trú quán: thôn C, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

6. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973; Có mặt.
Trú quán: thôn C, thị trấn T, huyện Sơn Đ, tỉnh Bắc Giang.

7. Ông Vi Văn L, sinh năm 1965; Có mặt.
Trú quán: thôn C, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

8. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980; Có mặt.
Trú quán: thôn C, thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY

Bản cáo trạng số: 09/2019/CT – VKSSĐ ngày 29/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn H về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" quy định tại Khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau: Ngày 02/11/2011, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang có Quyết định số 1582/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và kế hoạch đấu thầu công trình Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Theo Quyết định trên tổng mức đầu tư là 14.996.322.000đ, nguồn vốn: Vốn chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 70%; vốn ngân sách tỉnh 20%; vốn đóng góp của người dân vùng hưởng lợi 10%. Thực hiện quyết định trên, ngày 20/07/2012, Ủy ban nhân dân thị trấn T có Tờ trình số 25/TTr-UBND đề nghị Hội đồng nhân dân thị trấn T thông qua việc đóng góp tiền đối ứng xây dựng đường nước sạch của hộ

gia đình sử dụng và ngân sách địa phương. Ngày 30/07/2012, Hội đồng nhân dân thị trấn T có Nghị quyết số 07-NQ/HĐND về việc thu tiền đối ứng xây dựng công trình nước sạch của khoảng 600 hộ dân thuộc thị trấn T, với tổng số tiền đối ứng là 1.200.000.000đ, tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng nhân dân thị trấn T đã họp và thống nhất mức đóng góp mỗi hộ gia đình là 500.000đ, số tiền còn lại dự chi từ nguồn thu phí môi trường thị trấn T. Ngày 28/8/2012, Ủy ban nhân dân thị trấn T ban hành Kế hoạch số 17/KH-UB về thu tiền đối ứng xây dựng công trình nước sạch sinh hoạt của các hộ dân. Việc thu tiền của các hộ sử dụng nước được giao cho Ban quản lý các thôn thu tiền của các hộ sử dụng nước sau đó mang tiền ra gặp Nguyễn Văn H và bà Vi Thị K là kế toán Ủy ban nhân dân thị trấn T đến để viết phiếu thu rồi mang tiền đến nộp cho thủ quỹ là Nguyễn Huy T. Ngoài ra, có một số cá nhân không nộp tiền cho Ban quản lý thôn mà trực tiếp đến Ủy ban nhân dân thị trấn T nộp thì cũng được tổ chức thu như trên. Việc thu tiền được triển khai thực hiện đến ngày 20/05/2014, Ủy ban nhân dân thị trấn T đã thu được tổng số tiền là 309.500.000đ của khoảng 600 hộ gia đình.

Ngày 19/06/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S có quyết định số 2307/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế và kế hoạch đấu thầu xây dựng công trình nghĩa trang liệt sỹ thị trấn T. Thực hiện quyết định trên, ngày 10/10/2013, Ủy ban nhân dân thị trấn T thành lập Ban chỉ đạo vận động quỹ xây dựng nghĩa trang liệt sỹ thị trấn T và tổ chức vận động các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tiền để xây dựng nghĩa trang liệt sỹ. Việc thu tiền ủng hộ tiếp tục được giao cho Ban quản lý thôn tổ chức thu tại các thôn, sau khi thu được tiền Ban quản lý thôn mang ra Ủy ban nhân dân thị trấn T gặp kế toán viết phiếu thu rồi mang tiền đến nộp cho thủ quỹ. Một số cá nhân không nộp tiền cho Ban quản lý thôn mà trực tiếp đến Ủy ban nhân dân thị trấn T nộp và nhận phiếu thu. Việc thu tiền được triển khai thực hiện đến ngày 23/09/2014, Ủy ban nhân dân thị trấn T đã thu được tổng số tiền là 87.010.000đ.

Ngoài hai khoản tiền nêu trên, trong giai đoạn từ năm 2012 đến ngày 29/9/2014 (Nguyễn Quang S bị tạm đình chỉ công tác), Ủy ban nhân dân thị trấn T còn thu các khoản tiền sau: Tiền nhân dân ủng hộ 08 loại quỹ công chuyên dùng (Quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ bảo trợ trẻ em, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học, quỹ vì nạn nhân chất độc da cam dioxin, quỹ chăm sóc người cao tuổi, quỹ an ninh quốc phòng) với tổng số tiền là 243.261.000đ; rút từ Kho bạc Nhà nước về 03 khoản gồm: Tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng do đơn vị thi công chi trả cho thôn N, thị trấn T là 27.000.000đ; rút tiền phí bảo trì đường bộ là 4.597.000đ và chi phí quản lý rừng là 1.053.000đ.

Tổng số tiền thu được từ các nguồn trên là 672.421.000đ. Việc thu các khoản tiền nêu trên đều do Nguyễn Quang S là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T tổ chức, chỉ đạo thu; tuy nhiên sau khi thu được S không chỉ đạo Nguyễn Văn H là kế toán hạch toán vào sổ sách kế toán nộp tiền vào tài khoản Kho bạc nhà nước huyện

S mà chỉ đạo ông Nguyễn Huy T là Thủ quỹ của Ủy ban nhân dân thị trấn T quản lý trong két sắt của Ủy ban nhân dân thị trấn T.

Quá trình quản lý số tiền trên, Nguyễn Quang S đã duyệt chi 94.361.000đ cho hoạt động của các quỹ chuyên dùng được chi theo đúng mục đích như: quỹ vì người nghèo đền ơn đáp nghĩa, bảo trợ trẻ em, nhân đạo, khuyến học, vì nạn nhân chất độc da cam dioxin, chăm sóc người cao tuổi, quỹ an ninh quốc phòng. Số tiền còn lại Nguyễn Quang Sơn với vai trò là Chủ tịch, Chủ tài khoản đã lợi dụng chức vụ quyền hạn của bản thân trực tiếp lấy chi, chỉ đạo chi và cho ứng chi sai nguyên tắc, không đúng quy định của pháp luật, gây thất thoát tổng số tiền là 291.033.000đ. Khi chi và cho các cá nhân chi tiền quỹ sai mục đích, Sơn chỉ đạo bằng miệng, không có chứng từ, hóa đơn; sau khi được Sơn đồng ý, người có nhu cầu chi trực tiếp đến gặp thủ quỹ là ông Nguyễn Huy T để lấy tiền và ký sổ theo dõi của ông T. Nguyễn Văn H với trách nhiệm là kế toán được Ủy ban nhân dân thị trấn giao nhiệm vụ thu tiền đối ứng công trình nước sạch, nghĩa trang liệt sĩ và các khoản thu chuyên dùng, tuy nhiên H không đề nghị Sơn nộp các khoản tiền đã thu vào Kho bạc Nhà nước để quản lý, sử dụng đúng mục đích, không hạch toán kế toán đối với nguồn thu đối ứng công trình nước sạch và ủng hộ xây dựng nghĩa trang liệt sĩ. H biết S chỉ đạo chi sai mục đích nhưng vẫn không tham mưu cho S làm đúng, mà vẫn để cho S thực hiện việc chỉ đạo chi và cho ứng chi sai quy định, trong đó cá nhân H. Cụ thể Nguyễn Quang S đã trực tiếp chi và chỉ đạo cho chi số tiền 291.033.000đ, cụ thể như sau:

Nguyễn Quang S đã trực tiếp chi sai nguyên tắc gây thất thoát tổng số tiền là 18.000.000đ, cụ thể: Ngày 09/01/2014, chi 10.000.000đ thuê xe đi công tác; ngày 07/3/2014, chi 2.000.000đ đặt cơm tiếp khách là Tổ công tác của Ban Tổ chức huyện ủy S; ngày 30/6/2014 S lấy ở quỹ trực tiếp đưa 4.000.000đ cho ông Nguyễn Văn T là cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn T đặt cơm tiếp các thành viên hội đồng giải phóng mặt bằng Trường tiểu học thị trấn T; ngày 04/7/2014 chi 2.000.000đ tiếp phóng viên về viết bài tại thị trấn T; những khoản chi này đều không có hóa đơn.

Nguyễn Văn H chi 138.400.000đ, cụ thể: Ngày 21/01/2014 chi làm việc với Kho bạc Nhà nước huyện S 2.000.000đ; ngày 18/02/2014 chi nộp tiền giám sát công trình xây dựng đường bê tông thôn Nvào Kho bạc Nhà nước huyện S số tiền là 32.000.000đ. Quá trình điều tra, Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn H khai: ngày 09/01/2014 chi cho ông Nguyễn Khoa Đ là Phó chi cục trưởng chi cục Thuế huyện Sơn Động số tiền 44.000.000đ; chi cho ông Nông Văn T Chánh thanh tra huyện Sơn Động hai lần với tổng số tiền là 60.000.000đ, lần 1 vào ngày 21/01/2014 là 40.000.000đ, lần 2 vào ngày 17/3/2014 số tiền là 20.000.000đ và số tiền 400.000đ để Nguyễn Văn H thuê xe ô tô (mục đích đưa tiền cho ông Đ, ông T là để tạo điều kiện cho UBND thị trấn T xin kinh phí).

Ông Nguyễn Huy T là thủ quỹ chi các khoản như sau: Chi trả tiền san lấp mặt bằng tại khu vực cầu 2, thôn N, thị trấn T số tiền là 30.000.000đ vào ngày

09/01/2014; chi trả tiền công thu các loại phí, lệ phí cho ông Hoàng Văn T là 24.700.000đ vào ngày 09/01/2014; chi tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho ông Hoàng Văn V số tiền là 9.521.000đ vào ngày 30/6/2014; chi quà Tết năm 2013-2014 cho cán bộ Ủy ban nhân dân thị trấn T 15.000.000đ. Tổng cộng số tiền là 79.221.000đ.

Bà Chu Thị T là công chức văn phòng Ủy ban nhân dân thị trấn T, Sơn đồng ý cho chi nhiều lần với nhiều nội dung chi khác nhau như mua văn phòng phẩm, mua chè, chi viếng đám hiếu…, phục vụ cho hoạt động của Ủy ban nhân dân thị trấn T, tổng số tiền bị thất thoát 35.832.000đ.

Bà Vi Thị K là kế toán của Ủy ban thị trấn T chi số tiền 1.000.000đ để đặt cơm khách và 3.890.000đ để mua máy vi tính.

Ông Nguyễn Văn K là Trạm trưởng trạm y tế thị trấn T, S đã cho chi 2.290.000đ để sửa chữa Trạm Y tế thị trấn T vào ngày 29/9/2014.

Ông Vi Văn L là cán bộ tư pháp Ủy ban thị trấn chi đặt cơm tiếp khách phục vụ công tác giải phóng mặt bằng với tổng số tiền 7.000.000đ, trong đó ngày 24/6/2014 chi 4.000.000đ, ngày 23/01/2014 chi 3.000.000đ.

Cho Nguyễn Văn T Là cán bộ địa chính Ủy ban nhân dân thị trấn T chi cho công tác địa chính (in ấn bản đồ tài liệu phục vụ công tác giải phóng mặt bằng), chi đặt cơm khách phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, với tổng số tiền là 5.400.000đ (trong đó: ngày 22/01/2013 chi 4.200.000đ, ngày 28/01/2014 chi 1.200.000đ).

Ngoài các khoản chi nêu trên, quá trình điều tra bổ sung xác định, ông Nguyễn Huy T là thủ quỹ đã tự ý rút số tiền 16.000.000đ trong các nguồn thu nêu trên để nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S để khắc phục hậu quả trong vụ án Vi Văn T cùng đồng bọn phạm tội tham ô tài sản, lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ (nộp tiền giám sát công trình đường giao thông thôn N) xảy ra tại thôn N, thị trấn T, S năm 2012.

Căn cứ vào các tài liệu điều tra xác định: Các khoản chi do Nguyễn Quang S trực tiếp chi, chỉ đạo chi và cho ứng chi số tiền 16.000.000đ do ông T tự chi đều nằm trong 02 nguồn thu là đối ứng xây dựng công trình nước sạch, tiền ủng hộ xây dựng nghĩa trang liệt sĩ, các khoản chi này không được quyết toán từ nguồn ngân sách nhà nước cấp từ các năm 2012 đến năm 2014. Các khoản chi nêu trên S và H đều không báo cáo hàng năm để Hội đồng nhân dân thị trấn T biết, không quyết toán theo quy định mà để ngoài sổ sách kế toán.

Ngày 29/9/2014, Nguyễn Quang S bị tạm đình chỉ công tác (do S là bị can trong vụ án Vi Văn T cùng đồng bọn phạm tội tham ô tài sản, Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ), đến ngày 15/10/2014 S bị đình chỉ công tác nên bàn giao lại quyền quản lý, điều hành Ủy ban nhân dân thị trấn T cho ông Thân Văn C là Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T. Đến ngày 15/12/2014, Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện S có quyết định giao ông Thân Văn C là phó chủ tịch phụ trách điều hành Ủy ban nhân dân thị trấn T. Sau khi tiếp nhận quyền điều hành Ủy ban nhân dân thị trấn T, ông Thân Văn C được Nguyễn Quang S bàn giao lại số tiền trên giấy tờ theo biên bản bàn giao quỹ ngày 19/12/2014 là 278.710.000đ. Tuy nhiên quá trình điều tra bổ sung đã xác định được số tiền mặt thực tế khi bàn giao là 271.027.000đ (gồm: tiền quỹ chuyên dùng, tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng do đơn vị thi công chi trả cho thôn N, thị trấn T, tiền phí bảo trì đường bộ và tiền chi phí quản lý rừng là 148.900.000đ; tiền làm đường nước sạch, nghĩa trang liệt sỹ do nhân dân đóng góp là 122.127.000đ), số tiền chênh lệch trên là do ban đầu cộng các số liệu bàn giao chưa chính xác.

Sau khi biết hành vi bị phát hiện, ngày 27/2/2017, Nguyễn Văn H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 396.510.000đ để khắc phục hậu quả, cụ thể như sau: Nguyễn Quang S nộp số tiền là 150.000.000đ, Nguyễn Văn H nộp 146.510.000đ, Thân Văn C giao nộp 50.000.000đ; Nguyễn Huy Tgiao nộp 50.000.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S đã tiến hành thu giữ các tài liệu, chứng từ liên quan gồm: 05 quyển phiếu thu tiền ủng hộ xây dựng nghĩa trang liệt sĩ và đối ứng công trình nước sạch thị trấn T; 01 quyển sổ ứng tiền do Nguyễn Huy T lập; 01 quyển sổ bìa bên ngoài ghi "Sổ kế toán tổng hợp" do Nguyễn Văn H lập; 13 tập chứng từ chi Ngân sách của Ủy ban nhân dân thị trấn T; 19 phiếu thu tiền ủng hộ 08 loại quỹ chuyên dùng, 67 tập chứng từ chi của 08 loại quỹ chuyên dùng. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu một số tài liệu, chứng từ có liên quan khác.

Ngày 03/4/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S quyết định trưng cầu giám định chữ viết trong 01 quyển "Sổ ứng tiền" tạm giữ của Nguyễn Huy T. Tại kết luận số 470/KL-PC54, ngày 10/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A31 so với chữa viết của Nguyễn Huy T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi "cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" của mình. Lời khai của bị cáo S, H phù hợp với các tài liệu thu thập được, lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, các nhân chứng.

Tại phiên tòa các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khai như đã khai tại Cơ quan điều tra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã phân tích lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định. Từ căn cứ đánh giá nêu trên Viện kiểm sát đã kết luận: Bị cáo Nguyễn Quang S và Nguyễn Văn H phạm tội "cố ý làm trái quy định

của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Quang S; áp dụng khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Văn H.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quang S mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn H mức án từ 01năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao bị cáo cho UBND thị trấn T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Văn H đảm nhiệm chức vụ về tài chính kế toán thời hạn từ 2 đến 4 năm sau khi chấp hành xong hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo H, S phải bồi thường cho UBND thị trấn T số tiền là 291.033.000đ (trong đó S chịu 150.000.000đ, H chịu 141.033.000đ). Số tiền còn lại 105.477.000đ (do H còn 5.477.000đ, ông C 50.000.000đ, ông T 50.000.000đ) trả lại Cơ quan điều tra Công an huyện S để xử lý sau bằng vụ án khác.

Ngoài ra còn đề nghị giải quyết về vật chứng, án phí.

Về phần tranh luận: Bị cáo H nhận tội và nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận; nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhất trí với kết luận của đại diện viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Đối với bị cáo Nguyễn Quang S có 05 ý kiến tranh luận như sau:

1. Hành vi của bị cáo xét xử ngày hôm nay tại sao Viện kiểm sát cùng Cơ quan điều tra không khởi tố chung cùng với vụ án bị cáo năm 2014 mà giải quyết thành hai vụ án khác nhau là không đúng quy định của pháp luật?

2. Số tiền bị cáo nộp 150.000.000đ là để khắc phục hậu quả, bị cáo nộp trước khi khởi tố vụ án nhưng không được miễn trách nhiệm hình sự là sai?

3. Quá trình điều tra, truy tố thì Kết luận điều tra số 14 ngày 14/9/2018 của Công an huyện S và Bản cáo trạng số16 ngày 31/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S đều kết luận bị cáo làm thiệt hại số tiền là 307.033.000đ, bị cáo có khiếu nại vì trong số tiền bị cáo làm thiệt hại thì có 16.000.000đ là ông T là thủ quỹ tự chi, bị cáo không được biết nên bị cáo không phải chịu trách nhiệm đối với số tiền đó,Cơ quan điều tra không chấp nhận ý kiến khiếu nại và Viện kiểm sát cho rằng đó là quan điểm của bị cáo thì để giải quyết tại phiên tòa là không đúng?

4. Đề nghị những cán bộ ứng tiền yêu cầu UBND thị trấn T thanh toán để hoàn trả lại cho bị cáo, vì số tiền đó nằm trong số tiền 150.000.000đ mà bị cáo đã nộp khắc phục hậu quả.

5. Mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là cao so với hành vi phạm tội của bị cáo, bị cáo được hưởng án treo mới đúng quy định.

Viện kiểm sát đối đáp từng vấn đề như sau:

1. Năm 2014 bị cáo bị điều tra, truy tố và xét xử hành vi phạm tội bằng 1 vụ án khác là độc lập không có liên quan đến vụ án ngày hôm, do thời điểm đó hành vi của bị cáo bị xét xử ngày hôm nay chưa bị phát hiện; do vậy, việc xử lý đối với bị cáo bằng 2 vụ án khác nhau là đúng theo quy định của pháp luật.

2. Các bị cáo nộp tiền khi Cơ quan điều tra đã đấu tranh làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo, nên việc các bị cáo nộp tiền là để khắc phục hậu quả chứ không phải nộp vào được xét miễn trách nhiệm hình sự.

3. Số tiền 16.000.000đ mà bị cáo khiếu nại thì quá trình điều tra cơ quan điều tra đã giải quyết, sau khi Tòa án hoàn trả hồ sơ cho Viện kiểm sát thì Viện kiểm sát cũng xem xét và đã không quy trách nhiệm bị cáo phải chịu trách nhiệm số tiền 16.000.000đ. Như vậy việc giải quyết khiếu nại của bị cáo đã được giải quyết thỏa đáng, không ảnh hướng đến tội danh và hình phạt của bị cáo nên bị cáo đưa ra tranh luận là không đúng.

4. Các khoản chi đó theo nguyên tắc thì phải sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, do nguồn kinh phí đó đã sử dụng hết nên việc bị cáo chỉ đạo cho ứng chi là không đúng quy định. Nay bị cáo yêu cầu mọi người đã ứng chi nộp hoàn trả lại cho bị cáo đối với số tiền bị cáo đã cho tạm ứng; thấy yêu cầu của bị cáo là không có căn cứ, nên Viện kiểm sát không chấp nhận yêu cầu của bị cáo.

5. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, có nhân thân xấu, Viện kiểm sát căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị cho bị cáo ở mức hình phạt như vậy là đúng với quy định, không chấp nhận đề nghị được hưởng án treo của bị cáo.

Sau khi Viện kiểm sát đối đáp bị cáo S không có ý kiến đối với vấn đề 1,3 và 4, bị cáo không nhất trí với vấn đề 2, 5 như sau:

Bị cáo nộp tiền là để khắc phục hậu quả nhưng không được xét miễn trách nhiệm hình sự nhưng Viện kiểm sát cho rằng chưa thỏa đáng là không đúng.

Mức hình phạt Viện kiểm sát đối đáp như vậy bị cáo thấy chưa thỏa đáng, bị cáo được hưởng án treo mới đúng, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Viện kiểm sát đối đáp: Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã đưa ra đối với 02 vấn đề mà bị cáo có ý kiến, không có đối đáp gì thêm.

Bị cáo S: Không đồng ý với đối đáp của Viện kiểm sát và giữ nguyên ý kiến.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của các bị cáo, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

XÉT THẤY;

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra Điều tra viên đã thực hiện đúng theo Điều 37 và 38 của Bộ luật tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo Điều 42 Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Hảo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại, tố cáo gì; riêng bị cáo Sơn có khiếu nại Bản kết luận của Cơ quan điều tra và Bản cáo trạng của Viện kiểm sát, bị cáo cho rằng số tiền 16.000.000đ mà Nguyễn Huy T là thủ quỹ tự ý nộp vào Cơ quan điều tra trong vụ án khác thì bị cáo T tự chịu trách nhiệm, bị cáo không có liên quan nhưng Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát kết luận bị cáo phải chịu số tiền đó là không đúng; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của Nguyễn Quang S và Nguyễn Văn H khai nhận phù hợp với lời khai của ông Phạm Văn H là đại điện nguyên đơn dân sự, ông Phạm Văn T, ông Nguyễn Huy T, ông Thân Văn C, bà Chu Thị T, bà Vi Thị K, ông Nguyễn Văn K, ông Vi Văn L và ông Nguyễn Văn T là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Để có được kinh phí chi cho các hoạt động của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đoàn thể thuộc Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến ngày 29/9/2014, Nguyễn Quang S là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn T ngoài nguồn tiền ngân sách của Nhà nước cấp đã thu chi đúng quy định thì ngoài ra còn thu thêm các khoản tiền gồm: Tiền làm nước sạch thị trấn T do nhân dân đóng góp là 309.500.000đ, tiền thu của nhân dân xây dựng nghĩa trang liệt sỹ là 87.010.000đ; tiền nhân dân ủng hộ 08 loại quỹ công chuyên dùng là 243.261.000đ, rút từ Kho bạc Nhà nước về 03 khoản gồm: Tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng do đơn vị thi công chi trả cho thôn Nòn, thị trấn Thanh Sơn là 27.000.000đ, rút tiền phí bảo trì đường bộ là 4.597.000đ và chi phí quản lý rừng là 1.053.000đ. Tổng số tiền thu được từ các nguồn trên là 672.421.000đ.

Đối với số tiền ủng hộ 08 loại quỹ chuyên dùng là 243.261.000đ, tiền hỗ trợ giải phóng mặt bằng 27.000.000đ, phí bảo trì đường bộ 4.579.000đ và tiền quản lý bảo vệ rừng 1.053.000đ; tổng số tiền là 275.911.000đ Sơn đã chỉ đạo chi đúng quy định.

Đối với số tiền thu của nhân dân đóng góp để làm đường nước sạch và xây dựng nghĩa trang liệt sỹ là 396.510.000đ, bị cáo S đã không chỉ đạo H và H cũng không tham mưa cho S nộp vào tài khoản tạm gửi cơ quan Kho bạc Nhà nước theo quy định mà đã dùng chi cho các hoạt động của UBND thị trấn T trái quy định số tiền là 291.033.000đ, số tiền còn lại 105.477.000đ S bàn giao lại cho UBND do ông Thân Văn C là phó chủ tịch tiếp nhận khi Sơn nghỉ việc. Khi chi và cho các cá nhân ứng chi tiền quỹ sai mục đích, S chỉ đạo bằng miệng, không có chứng từ, hóa đơn;

sau khi được S đồng ý, người có nhu cầu chi trực tiếp đến gặp thủ quỹ là ông Nguyễn Huy T để lấy tiền và ký sổ theo dõi của ông T.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn H đã thực hiện không đúng quy định về quản lý, sử dụng ngân sách quy định tại Thông tư 60/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; Điều 72 Luật ngân sách nhà nước năm 2002; Điều 82 Nghị định 60/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước năm 2002.

[3] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và vật chứng đã được thu giữ. Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng 09/2019/CT – VKS - SĐ, ngày 29/ 4/ 2019 của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về hành vi, tội danh là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đã căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác và đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" theo bản Cáo trạng số 09/2019/CT – VKS - SĐ, ngày 29/ 4/ 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bản cáo trạng số 09/2019/CT – VKS - SĐ, ngày 29/ 4/ 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động đã truy tố và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Từ nhận định nêu trên thì đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Quang S và Nguyễn Văn H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" được quy định tại khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước đối với các thành phần kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước. Do vậy, cần áp dụng hình phạt thỏa đáng, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để răn đe các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

Trước khi lượng hình Hội đồng xét xử cùng xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo:

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo S, H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả toàn bộ thiệt hại, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

ngoài ra bị cáo Nguyễn Quang S có bố đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến, tại phiên tòa nguyên đơn dân sự xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được xem xét theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho S và H; các bị cáo phạm tội do năng lực yếu và không có động cơ vụ lợi cá nhân.

Xét vai trò của các bị cáo thì thấy: Bị cáo Nguyễn Quang S là chủ tịch phải chịu trách nhiệm mọi mặt hoạt động của Ủy ban nhân dân thị trấn T, bị cáo H là kế toán tham mưu giúp việc cho S trong việc thực hiện về thu chi tài chính của thị trấn T, nhưng các bị cáo đã chi và cho ứng chi trái nguyên tắc về quản lý tài chính đối với số tiền do nhân dân đóng góp. Do vậy, S là người chịu với vai trò chính trong vụ án này, H chịu vai trò sau S.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo S tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng có nhân thân xấu; năm 2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện S xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", bị cáo đã chấp hành xong và đã được xóa án tích. Do vậy, cần phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có đủ điều kiện để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt ở mức khởi điểm của khung hình phạt tù.

Đối với bị cáo H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo nơi cư trú ổn định, rõ ràng; do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng có đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng ở mức khởi điểm của khung hình phạt tù.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền 396.510.000đ mà bị cáo S, H và ông C, ông T nộp để khắc phục hậu quả (cụ thể: Nguyễn Quang S 150.000.000đ, Nguyễn Văn H 146.510.000đ, Thân Văn C là 50.000.000đ; Nguyễn Huy T là 50.000.000đ, số tiền trên cần giải quyết như sau:

Đối với số tiền 291.510.000đ do bị cáo H, S tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo S, H cho chi sai quy định trong vụ án này số tiền 291.033.000đ, đây là số tiền thu của nhân dân để làm đường nước sinh hoạt và xây nghĩa trang liệt sỹ thị trấn T, đến nay UBND thị trấn T là chủ đầu tư chưa thanh toán cho bên thi công; buộc S, H phải bồi thường cho UBND thị trấn T số tiền 291.033.000đ.

Đối với số tiền 105.477.000đ do ông Thân Văn C, ông Nguyễn Huy T và bị cáo H nộp (Cụ thể: T 50.000.000đ, C 50.000.000đ, H 5.477.000đ): Xét số tiền

105.477.000đ nằm trong giai đoạn ông Thân Văn C phục trách, không liên quan trong vụ án này nên cần chuyển trả lại cho Cơ quan điều tra Công an huyện S để xem xét xử lý bằng vụ án khác.

Toàn bộ số tiền 396.510.000đ hiện đang được tạm giữ tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện S.

Tại phiên tòa bị cáo S yêu cầu UBND thị trấn T phải thanh toán các khoản tiền mà S đã chỉ đạo cho một số cán bộ ứng chi nhưng chưa được thanh quyết toán. Các khoản chi đó theo nguyên tắc thì phải sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, do nguồn kinh phí đó đã sử dụng hết nên bị cáo chỉ đạo cho ứng chi là không đúng quy định. Nay bị cáo yêu cầu UBND thị trấn T thanh quyết toán cho mọi người đã ứng chi tiền để mọi người hoàn trả lại cho bị cáo, vì bị cáo đã nộp số tiền 150.000.000đ để khắc phục hậu quả; xét yêu cầu của bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Đối với số tiền 50.400.000đ bà Vi Thị K, bà Chu Thị T đưa cho bị cáo H và sau đó H lấy nộp vào để bồi thường khắc phục hậu quả cho UBND thị trấn T. Tại phiên tòa bà K, bà T nhất trí để cho Hảo nộp số tiền trên và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với các giấy tờ, sổ sách gồm 01 quyển sổ ứng tiền do Nguyễn Huy T lập; 01 quyển sổ bìa bên ngoài ghi "Sổ kế toán tổng hợp" do Nguyễn Văn H lập Cơ quan điều tra thu giữ chuyển kèm hồ sơ vụ án. Ngoài ra 05 quyển phiếu thu tiền ủng hộ xây dựng nghĩa trang liệt sĩ và đối ứng công trình nước sạch thị trấn T; 13 tập chứng từ chi Ngân sách của Ủy ban nhân dân thị trấn T; 19 phiếu thu tiền ủng hộ 08 loại quỹ chuyên dùng, 67 tập chứng từ chi của 08 loại quỹ chuyên dùng cần trả lại cho UBND thị trấn T. Hội đồng xét xử thấy, đề nghị của UBND thị trấn T là có căn cứ cần chấp nhận.

[7] Quá trình điều tra Nguyễn Văn H, Nguyễn Quang S khai nhận H đã trực tiếp chi tiền cho ông Nông Văn T, Chánh thanh tra huyện S tổng số tiền 60.000.000đ và Nguyễn Khoa Đ, Phó chi cục trưởng Chi cục thuế 44.000.0000đ như trên. Tuy nhiên ông Nông Văn T và Nguyễn Khoa Đkhông thừa nhận đã được H đưa cho số tiền trên, vì vậy S và H phải chịu trách nhiệm về số tiền này. Hành vi này của Nguyễn Quang S và Nguyễn Văn H không cấu thành tội tham ô tài sản và tội đưa hối lộ, vì quá trình điều tra không có tài liệu, chứng cứ chứng minh; Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Huy T là thủ quỹ Ủy ban nhân dân thị trấn T, là người quản lý các loại quỹ đã thu nêu trên, khi Nguyễn Quang Schỉ đạo cho chi và ứng chi T chấp hành theo sự chỉ đạo của S. T chỉ là người chấp hành theo sự chỉ đạo của chủ tài khoản, bản thân không được hưởng lợi gì. Đối với việc ông T tự ý chi số tiền 16.000.000đ sau đó tự nộp lại quỹ, các hành vi trên của ông T Cơ quan điều tra thấy không đủ căn cứ xử lý bằng hình sự; Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với những người liên quan đến việc chi và ứng chi là Chu Thị T, Vi Thị K, Nguyễn Văn K, Vi Văn L, Nguyễn Văn T đều thừa nhận là người trực tiếp chi tiền và ứng chi theo sự chỉ đạo của Nguyễn Quang S, tuy nhiên những người này không biết đó là tiền lấy từ nguồn thu nào, việc chi tiền là vì mục đích chung phục vụ cho hoạt động của các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban thị trấn T, họ không biết đó là chi tiêu sai quy định, nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với những người này; Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với hành vi của ông Thân Văn C là người được giao phụ trách điều hành Ủy ban nhân dân thị trấn T, Nguyễn Văn H là kế toán và ông Nguyễn Huy T là Thủ quỹ từ khi nhận được bàn giao của Nguyễn Quang S, ông C tiếp tục cho một số cá nhân ứng chi, tuy nhiên đến nay Cơ quan điều tra chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, xác định thời gian Thân Văn C phụ trách UBND thị trấn T gây thiệt hại số tiền cụ thể là bao nhiêu. Vì vậy, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ xử lý ông C, ông T và H bằng vụ án khác; Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] *Về án phí* : Bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về tội danh:* Bị cáo Nguyễn Quang S, Nguyễn Văn H phạm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng".

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt*: Áp dụng khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Quang S; áp dụng khoản 1 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với Nguyễn Văn H.;

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang S 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

* Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/6/2019. Giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện S giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Cấm Nguyễn Quang S đảm nhiệm làm chức vụ có liên quan đến quản lý tài chính kế toán thời gian là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Cấm Nguyễn Văn H đảm nhiệm chức vụ làm tài chính kế toán thời gian là 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc các bị cáo Nguyễn Quang S và Nguyễn Văn H phải bồi thường cho UBND thị trấn T do ông Phạm Văn H đại diện số tiền là: 291.033.000đ (Hai trăm chín mươi mốt triệu, không trăm ba mươi ba nghìn đồng); cụ thể: S 150.000.000đ, Hảo 141.033.000đ. Ghi nhận số tiền các bị cáo đã nộp: S150.000.000đ, Hảo 141.033.000đ cần tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án dân sự.

Chuyển trả lại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Động số tiền 105.447.000đ (do ông Thân Văn C, ông Nguyễn Huy T và bị cáo H nộp nằm trong số tiền 396.510.000đ) để xem xét xử lý sau bằng vụ án khác.

Toàn bộ số tiền hiện đang được tạm giữ tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện S.

4. *Về xử lý vật chứng* : Áp dụng khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Trả lại cho UBND thị trấn T 05 quyển phiếu thu tiền ủng hộ xây dựng nghĩa trang liệt sĩ và đối ứng công trình nước sạch thị trấn T; 13 tập chứng từ chi Ngân sách của Ủy ban nhân dân thị trấn T; 19 phiếu thu tiền ủng hộ 08 loại quỹ chuyên dùng, 67 tập chứng từ chi của 08 loại quỹ chuyên dùng. cần trả lại cho UBND thị trấn T.

5. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Quang S và Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận;
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-VKSND tỉnh, huyện;
-Chi cục THA huyện;
-Công an huyện;
-Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Toàn